

## **Đánh giá kết quả phối hợp Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông.**

Sự phối hợp của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã và đang phát huy trong việc kiểm soát rủi ro, hỗ trợ Ban điều hành khi cần có quyết định kinh doanh mới và duy trì các hoạt động của Công ty phù hợp với qui định của pháp luật đảm bảo quyền lợi chính đáng của cổ đông.

### **Ban kiểm soát kiến nghị:**

- Tái cơ cấu tài chính công ty để giảm thiểu mất cân bằng hiệu quả tài chính là mục tiêu chính trong năm 2013.
- Phát huy hết công suất máy móc thiết bị và hiệu quả đầu tư trước khi đến thời gian phải chuyển đổi công năng mặt bằng hiện hữu.
- Chuẩn bị nguồn nhân lực cho việc phát triển Công ty trong ngắn hạn và dài hạn.

### **Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan:**

Stt	Tên Tổ Chức/Cá Nhân	Chức Vụ/Mối Quan Hệ Với Cổ Đông Nội Bộ	Sở Hữu (Cổ Phần)	Tỷ Lệ Sở Hữu (%)
<b>1</b>	<b>Nguyễn Đình Minh</b>	Trưởng BKS	-	0.00%
	Lê Thị Bê	Mẹ	-	0.00%
	Nguyễn Thanh Nhân	Vợ	-	0.00%
	Nguyễn Anh Thư	Con	-	0.00%
	Nguyễn Đình Minh Khang	Con	-	0.00%
	Nguyễn Đình Ái	Em trai	-	0.00%
<b>2</b>	<b>Nguyễn Ngọc Dũng</b>	Thành viên BKS	93,856	1.17%
	Đình Thị Bích Thanh	Vợ	-	0.00%
	Nguyễn Trung Nghĩa	Con	-	0.00%
	Nguyễn Trọng Nhân	Con	-	0.00%
<b>3</b>	<b>Vũ Thái Hòa</b>	Thành viên BKS	62,180	0.78%
	Bạch Lê Phương	Vợ	-	0.00%
	Vũ Hải Linh	Con	10,000	0.13%









16.60 -4.89  
112.11 -0.73  
787.63 8.49  
791.97 4.53  
54

1.7990

545

The background of the page is a dark blue grid with various financial charts. On the left side, there is a magnifying glass with a silver ring and a white lens, focusing on a candlestick chart. The candlestick chart shows a series of blue and white bars with vertical lines extending from them, indicating price movements. In the upper left corner, there are several percentage values: 0.23%, 0.16%, 0.05%, 0.38%, 0.27%, 0.13%, 0.10%, and 0.17%. The overall theme is financial analysis and planning.

## **VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013**

## 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ : 203.214.000.000 đồng (118,34% so năm 2012)
  - Tổng lợi nhuận trước thuế : 12.119.000.000 đồng (246,71% so năm 2012)
- Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu : 5,96%  
Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ : 15,15%  
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ : 11,77%

## 2. Kế hoạch trích lập quỹ và chi cổ tức năm 2013:

- Trích lập quỹ :
  - Quỹ đầu tư và phát triển : được trích lập 8% từ lợi nhuận sau thuế.
  - Quỹ dự phòng tài chính : được trích lập 2% từ lợi nhuận sau thuế.
  - Quỹ khen thưởng : được trích lập 2% từ lợi nhuận sau thuế.
  - Quỹ phúc lợi : được trích lập 2% từ lợi nhuận sau thuế.
- Mức chi cổ tức năm 2013 : 9%/năm

## 3. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2013:

Mức Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2013: 3% lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ.

## 4. Công tác tổ chức:

- Cấu trúc lại bộ máy theo hướng tinh gọn, năng động đảm bảo việc thông tin thông suốt.
- Nhân sự phù hợp với cấu trúc bộ máy, có tính cộng đồng trách nhiệm
- Xây dựng lại quy chế lương thưởng để kích thích mọi người làm việc theo năng suất và hiệu quả
- Xây dựng văn hoá công ty : mọi người toàn tâm toàn ý, chung sức vượt qua thử thách

## 5. Công tác tài chính:

- Tập trung giải quyết hàng tồn kho để tái cơ cấu tài chính
- Hoạch định kế hoạch tài chính của công ty và kế hoạch chi tiết đến các đơn vị trực thuộc, có các biện pháp cụ thể trong từng thời kỳ và có các giải pháp ứng phó đối với các tình huống phát sinh
- Xây dựng hệ thống thông tin mạnh để tập trung toàn bộ tài nguyên nhân vật lực và phân quyền để sử dụng một cách hợp lý và hiệu quả. Có các công cụ cảnh báo để phát hiện kịp thời xử lý rủi ro.

## 6. Công tác thị trường:

- Xây dựng chiến lược tiêu thụ sản phẩm, thị trường trong từng giai đoạn phù hợp với khả năng tài chính công ty.
- Nghiên cứu khảo sát thị trường tấm xi măng sợi PVA, xác định khách hàng tiềm năng và các phương án cụ thể cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty





## VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH





14%

15%

15%

13%

340

380

350

370



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
**Auditing & Information Services Company Limited**

Offline: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 39305163 Fax: (84.8) 39304281  
Email: asisc@asic.com.vn Website: www.asic.com.vn



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Nam Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2013 của **Công Ty Cổ Phần Nam Việt** từ trang 04 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2013

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**Nguyễn Thị Thanh Huyền**

Số chứng chỉ KTV: 1176/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**Đặng Ngọc Tú**

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Mẫu số B01 - DN

Địa chỉ: 18 F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		136,052,715,753	125,419,359,740
	<b>(100 = 110+120+130+140+150)</b>				
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.01	5,401,944,760	13,093,752,421
	1. Tiền	111		1,201,944,760	593,752,421
	2. Các khoản tương đương tiền	112		4,200,000,000	12,500,000,000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
	1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130	V.02	45,936,600,714	40,467,547,219
	1. Phải thu của khách hàng	131		37,338,781,318	27,679,322,505
	2. Trả trước cho người bán	132		12,148,351,421	11,905,266,146
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
	4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
	5. Các khoản phải thu khác	138		1,668,022,158	1,988,906,516
	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5,218,554,183)	(1,105,947,948)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	140	V.03	81,644,306,897	70,436,580,887
	1. Hàng tồn kho	141		83,842,101,951	70,968,358,382
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,197,795,054)	(531,777,495)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	150	V.04	3,069,863,382	1,421,479,213
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,033,615,333	521,777,727
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,101,474,313	432,016,619
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		424,050,938	-
	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
	5. Tài sản ngắn hạn khác	158		510,722,798	467,684,867

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			47,066,331,914	44,133,127,307
	(200 = 210+220+240+250+260)				
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
<b>1.</b>	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
<b>2.</b>	Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
<b>3.</b>	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
<b>4.</b>	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
<b>5.</b>	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	220		35,568,231,914	32,635,027,307
<b>1.</b>	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	14,325,765,011	16,760,234,454
	- Nguyên giá	222		47,741,412,731	47,741,412,731
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33,415,647,720)	(30,981,178,277)
<b>2.</b>	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
<b>3.</b>	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	13,774,278,800	14,561,209,962
	- Nguyên giá	228		1,4674,377,750	14,674,377,750
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(900,098,950)	(113,167,788)
<b>4.</b>	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	7,468,188,103	1,313,582,891
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	240		-	-
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		11,498,100,000	11,498,100,000
<b>1.</b>	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
<b>2.</b>	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.08	11,498,100,000	11,498,100,000
<b>3.</b>	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
<b>4.</b>	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	260		-	-
<b>1.</b>	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
<b>2.</b>	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>3.</b>	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		183,119,047,667	169,552,487,047

	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	300		89,662,972,248	72,538,065,491
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	310		88,610,515,229	71,604,641,383
<b>1.</b>	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	56,166,079,819	26,693,755,241
<b>2.</b>	Phải trả cho người bán	312	V.10	11,475,540,652	16,820,829,109
<b>3.</b>	Người mua trả tiền trước	313	V.11	6,884,396,546	8,553,264,328
<b>4.</b>	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1,074,137,479	3,093,135,266
<b>5.</b>	Phải trả người lao động	315		2,279,029,916	3,590,225,513
<b>6.</b>	Chi phí phải trả	316	V.13	1,898,537,392	493,117,656
<b>7.</b>	Phải trả nội bộ	317		-	-
<b>8.</b>	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
<b>9.</b>	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	8,814,143,004	12,044,808,012
<b>10.</b>	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>11.</b>	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		18,650,421	315,506,258
<b>12.</b>	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	330		1,052,457,019	933,424,108
<b>1.</b>	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
<b>2.</b>	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
<b>3.</b>	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
<b>4.</b>	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
<b>5.</b>	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
<b>6.</b>	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	31,153,202
<b>7.</b>	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>8.</b>	Doanh thu chưa thực hiện	338		1,052,457,019	902,270,906
<b>9.</b>	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-